

Số: 12.03/2020CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi nhuận năm 2019
so với năm 2018

Hung Yên, ngày 12 tháng 03 năm 2020

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 như sau:

CHỈ TIÊU	Năm		Chênh lệch	
	Năm 2019	Năm 2018	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.152.188.837.282	746.411.411.103	405.777.426.179	54%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.152.188.837.282	746.411.411.103	405.777.426.179	54%
4. Giá vốn hàng bán	969.702.056.666	636.625.164.130	333.076.892.536	52%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.486.780.616	109.786.246.973	48.083.020.665	44%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.500.343.959	788.953.547	1.711.390.412	217%
7. Chi phí tài chính	46.012.823.157	26.612.288.072	19.400.535.085	73%
8. Chi phí bán hàng	26.233.990.013	15.113.209.809	11.120.780.204	74%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.733.112.202	24.465.304.948	8.267.807.254	34%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	80.007.199.203	44.384.397.691	18.284.332.412	41%
11. Thu nhập khác	1.772.101.349	2.009.123.877	-237.022.528	-12%
12. Chi phí khác	3.307.169.121	996.385.419	2.310.783.702	232%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	-1.535.067.772	1.012.738.458	-2.547.806.230	-252%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.472.131.431	45.397.136.149	18.098.334.457	40%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.090.328.018	9.309.381.611	6.780.946.407	73%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0	0%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	62.381.803.413	36.087.754.538	15.336.960.326	42%

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 so với năm 2018 tăng 15.336.960.326 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 42%.

Nguyên nhân:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 tăng so với năm 2018 với giá trị tăng là 405.777.426.179 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 54% do mở rộng thị trường xuất khẩu shopping bag và bao bì bán nội địa.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 so với năm 2018 tăng với giá trị 1.711.390.412 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 217%.
- Do tăng trưởng doanh thu, giá vốn hàng bán cùng với các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý năm 2019 đều tăng hơn so với năm 2018 với tỷ lệ tăng tương ứng lần lượt là 52%, 73%, 74%, 34%. Lợi nhuận khác năm 2019 lại giảm 252% tương đương giá trị 2.547.806.230 đồng so với năm trước.



Trong năm 2019 thị trường kinh doanh trên khắp các địa bàn cả nước và thị trường xuất khẩu túi siêu thị shopping bag đều tăng so với cùng kỳ năm 2018. Riêng doanh thu xuất khẩu túi siêu thị đạt 389.814.107.992 đồng tăng 30% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 89.019.472.258 đồng.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận năm 2019 so với năm 2018.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT, TCCB (T)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Cường

